

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 49/2018/HN-PT

Ngày: 13/8/2018

V/v tranh chấp: “Xin ly hôn”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Em;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Ngọc Thái Dũng;

Bà Nguyễn Thị Sâm Hương;

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Hằng là thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang: Bà Hà Ngọc Thu Trúc - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 13 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 36/2018/TLPT-HNGĐ ngày 03-7-2018 về tranh chấp: “Xin ly hôn”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 37/2018/HNGĐ-ST ngày 22-3-2018 của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 206/2018/QĐ-PT ngày 10/7/2018 giữa các đương sự:

*. Nguyên đơn: Ông **Trần Ngọc T**, sinh năm 1952; (có mặt)

Địa chỉ: Số A, đường B, phường F, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh.

* Bị đơn: Bà **Đào Thị T**, sinh năm 1968; (có mặt)

Địa chỉ: Ấp HH, xã NH, huyện CL, tỉnh Tiền Giang.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Chị **Lê Thị L**, sinh năm 1997; (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp HH, xã NH, huyện CL, tỉnh Tiền Giang.

*. *Người kháng cáo:* Bị đơn **Đào Thị T**.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm,

**. Nguyên đơn Trần Ngọc T trình bày:*

Ông và bà T sống chung với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường F, quận PN, thành phố Hồ Chí Minh. Quá trình sống chung vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do không hợp nhau, thường xuyên cãi vã. Ông và bà T đã sống ly thân từ ngày 03/4/2017 cho đến nay. Nay ông yêu cầu Tòa án cho ông được ly hôn với bà T.

Về con chung, tài sản chung: Không có.

Về tài sản riêng của ông gồm có:

- Một sợi dây chuyền có trọng lượng 05 chỉ, 04 phân, 02 ly vàng 18Kr.
- Một mặt mẽ đai (mặt dây chuyền) hình bông hồng có trọng lượng 01 chỉ 02 phân 06 ly vàng 18Kr.
- Một bộ vòng ximen 07 chiếc có trọng lượng 05 chỉ, 09 ly vàng 18Kr.

Tất cả đều có giấy mua vàng và đổi vàng (bản chính ngày 02/6/2015 và ngày 14/3/2017)

Toàn bộ số nữ trang này ông cho bà T mượn để đeo dự đám hỏi và đám cưới của con gái bà T là chị Lê Thị L. Nay đám cưới đã xong nhưng bà T không trả lại cho ông. Nay ông yêu cầu bà T trả lại số nữ trang trên cho ông.

Về nợ chung: Không có.

**. Bị đơn bà Đào Thị T trình bày:*

Bà và ông T sống chung với nhau và có đăng ký kết hôn vào ngày 18/10/2016. Quá trình chung sống vợ chồng không có phát sinh mâu thuẫn gì nhưng do con trai riêng của bà là anh Lê Văn Đ nợ tiền ông T nên vợ chồng mới phát sinh mâu thuẫn, bà vẫn thường xuyên mỗi tuần lên Thành phố Hồ Chí Minh thăm ông T. Nay ông T yêu cầu ly hôn bà đồng ý ly hôn.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có.

Bà T thừa nhận trong thời gian sống chung ông T có mua cho bà số nữ trang bao gồm:

- Sợi dây chuyền và mặt dây chuyền có trọng lượng 06 chỉ 07 ly vàng 18Kr.
- Bộ vòng ximen 07 chiếc có trọng lượng 05 chỉ 05 ly vàng 18Kr.

Nay ông T yêu cầu bà trả lại số nữ trang này bà không đồng ý trả vì số nữ trang này là do ông T mua tặng cho bà. Hiện nay bà đã bán hết số nữ trang này để lấy tiền trị bệnh và chi phí đi lên xuống thăm ông T.

**. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Thị L trình bày:*

Chị thừa nhận vào ngày 14/12/2017 có sử dụng điện thoại di động số 01696632196 và nhắn tin cho cho ông T với nội dung là chị có nhận sợi dây chuyền với một mặt mẻ đại qua đám cưới mẹ chị là bà T sẽ gửi lại. Còn việc ông T có cho mượn hay tặng cho bà T số nữ trang trên chị hoàn toàn không biết vì chị chỉ có nhận tiền mừng cưới của ông T là 2.500.000 đồng. Nay việc ông T khởi kiện bà T thì tùy Tòa án quyết định.

* Tại bản án dân sự sơ thẩm số 37/2018/HNGĐ-ST ngày 22/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 43 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ các Điều 494, Điều 496 của Bộ luật Dân sự 2015.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Trần Ngọc T và bà Đào Thị T.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về tài sản riêng: Buộc bà Đào Thị T có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Trần Ngọc T số nữ trang là một sợi dây chuyền có trọng lượng 05 chỉ và một mặt dây chuyền có trọng lượng 01 chỉ, một bộ vòng ximen 07 chiếc có trọng lượng 05 chỉ. Tất cả đều là vàng 18K. Thời gian thực hiện trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

5. Về nợ chung: không có.

6. Về án phí: Ông Trần Ngọc T phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu số 15175 ngày 12/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang nên ông đã nộp xong.

Bà Đào Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.445.290 đồng.

Hoàn lại ông T số tiền tạm ứng án phí là 700.000 đồng theo biên lai thu số 15174 ngày 12/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Ngoài ra, bản án còn tuyên phần nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự theo qui định của pháp luật.

*. Ngày 20/4/2018, bị đơn Đào Thị T kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu của ông Trần Ngọc T buộc bà có nghĩa vụ hoàn trả cho ông T sợi dây chuyền 05 chỉ và mặt dây trọng lượng 01 chỉ, một bộ vòng ximen 07 chiếc trọng lượng 05 chỉ vàng 18k.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông T rút một phần yêu cầu khởi kiện không yêu cầu bà Tám trả bộ vòng ximen 07 chiếc trọng lượng 5 chỉ vàng 18kra, bà T thay đổi một phần yêu cầu kháng cáo đồng ý trả cho ông T một sợi dây chuyền và mặt 06 chỉ vàng 18kra nhưng xin đến tháng 01/2019 trả, ông T yêu cầu bà T trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu:

+ Về tố tụng: Từ khi thụ lý, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự

+ Về nội dung vụ án: Ông T rút một phần yêu cầu khởi kiện yêu cầu khởi kiện không yêu cầu bà T trả bộ vòng ximen 07 chiếc trọng lượng 5 chỉ vàng 18kra đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông T. Bà T thay đổi một phần yêu cầu kháng cáo đồng ý trả cho ông T một sợi dây chuyền và mặt 06 chỉ vàng 18kra nhưng xin đến tháng 01/2019 trả, không được ông T đồng ý mà yêu cầu trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật việc yêu cầu này có căn cứ. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà T sửa bản án hôn nhân sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét đơn kháng cáo của bà Đào Thị T làm trong hạn luật định và đã nộp tạm ứng án phí là đúng với quy định tại Điều 271, 272 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy giải quyết vụ án là đúng quy định tại khoản 2 Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về tố tụng: Chị Lê Thị L vắng mặt lần thứ hai không có lý do mặt dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Hội đồng xét xử xét tiến hành xét xử vắng mặt chị L theo quy định tại khoản 3 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

4] Về nội dung vụ án: Ông Trần Ngọc T và bà Đào Thị T chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND phường F, quận PN, thành phố Hồ Chí Minh vào năm 2016. Trong quá trình chung sống, ông bà sống không hạnh phúc do bất đồng quan điểm nên đã ly thân từ ngày 03/4/2017. Nay ông T xin ly hôn, bà T đồng ý. Tòa án cấp sơ thẩm công nhận thuận tình ly hôn giữa ông T, bà T là phù hợp Điều 58 Luật hôn nhân gia đình.

Về con chung và tài sản chung, nợ chung: Không có.

Về tài sản riêng : Ông T trình bày trong quá trình chung sống ông có cho bà T mượn một sợi dây chuyền có trọng lượng 05 chỉ, 04 phân, 02 ly vàng 18K, một mặt mẻ đai (mặt dây chuyền) hình bông hồng có trọng lượng 01 chỉ 02 phân 06 ly vàng 18K, một bộ vòng ximen 07 chiếc có trọng lượng 05 chỉ, 09 ly vàng 18K để đeo đám hỏi và đám cưới con của bà T. Nhưng sau đó bà T không trả lại. Nay ông yêu cầu bà T trả lại số nữ trang trên, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T là có căn cứ.

Tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm ông T rút một phần yêu cầu khởi kiện không yêu cầu bà T trả bộ vòng ximen 07 chiếc trọng lượng 5 chỉ vàng 18K. Xét thấy việc rút yêu cầu của ông T là tự nguyện, bà T đồng ý nên Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông T.

Đối với yêu cầu kháng cáo của bà T. Tại phiên tòa phúc thẩm bà T đồng ý trả cho ông T một sợi dây chuyền có trọng lượng 05 chỉ và một mặt dây chuyền có trọng lượng 01 chỉ vàng 18K nhưng xin trả vào tháng 01/2019, ông T yêu cầu trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Xét thấy việc tự nguyện này của bà T không được ông T đồng ý. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà T, buộc bà T trả cho ông T một sợi dây chuyền có trọng lượng 05 chỉ và một mặt dây chuyền có trọng lượng 01 chỉ vàng 18K khi án có hiệu lực pháp luật.

Từ phân tích trên Hội đồng xét xử sửa một phần bản án hôn nhân sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với những nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo bà T được chấp nhận một phần nên bà T không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 229, khoản 3 Điều 296, khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 43 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ các Điều 494, Điều 496 của Bộ luật Dân sự 2015.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Đào Thị T.

Sửa bản án Hôn nhân sơ thẩm số: 37/2018/HNGĐ-ST ngày 22/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Trần Ngọc T và bà Đào Thị T.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về tài sản riêng:

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Ngọc T về việc yêu cầu bà Đào Thị T trả cho ông bộ vòng ximen 7 chiếc trọng lượng 5 chỉ vàng 18kra.

Buộc bà Đào Thị T có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Trần Ngọc T số nữ trang là một sợi dây chuyền có trọng lượng 05 chỉ và một mặt dây chuyền có trọng lượng 01 chỉ vàng 18Kr. Thời gian thực hiện trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

5. Về nợ chung: không có.

6. Về án phí: Ông Trần Ngọc T phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu số 15175 ngày 12/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang nên ông đã nộp xong.

Bà Đào Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 750.000 đồng, bà Đào Thị T không phải chịu án phí phúc thẩm, bà T đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng theo biên lai thu số 15503 ngày 20/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang được trừ vào án phí, bà T còn phải nộp tiếp số tiền là 450.000 đồng.

Ông T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 700.000 đồng theo biên lai thu số 15174 ngày 12/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND H. Cai Lậy;
- Chi cục THADS H. Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Kim Em